

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THỊ XÃ KM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 13/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 22/3/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KM, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Th- ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KM

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KM xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 384/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đ- ơng sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1998

Nơi ĐKKHKT: Thôn AB, xã H1H2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện ở: Thôn LX, xã L1N, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Thôn AB, xã H1H2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

*Chị Huyền đề nghị vắng mặt; anh Đức vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1H2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 10 tháng 4 năm 2018. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung. Do mâu thuẫn căng thẳng không thể hòa hợp nên hai bên đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị H đề nghị được ly hôn anh Đ để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

*Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 29/10/2018, hiện cháu Quang đang ở với chị H và gia đình bố mẹ đẻ chị H tại xã L1N, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Cháu Q đang học tập ổn định tại trường mầm non xã L1N. Bố mẹ đẻ chị H tạo điều kiện cho mẹ con chị H về chỗ ở sau khi ly hôn và phụ giúp chị H trong việc chăm sóc con chung. Chị H hiện là công nhân tại Công ty TNHH may TL2 với mức thu nhập từ 08- 11 triệu đồng/tháng. Nay chị H đề nghị giải quyết được quyền nuôi dưỡng cháu Q và tự nguyện không yêu cầu anh Đ hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành.

*Về tài sản chung, riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng):* Chị H không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

*\* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho anh Đ các tài liệu là: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua việc xác nhận của đại diện gia đình anh Đ, thì thực tế anh Đ đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.*

*\* Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 12 năm 2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã H1H2 cung cấp:* Chị H, anh Đ đều Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn AB, xã H1H2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Qua nắm bắt tình hình thực tế được biết do vợ chồng không hòa thuận nên anh Đ, chị H đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị H và con trai là Nguyễn Duy Q đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của chị H tại xã

L1N- thị xã KM, còn anh Đ đang ở cùng bố mẹ đẻ tại xã H1H2. Khi hai bên còn chung sống cùng nhau, vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc;

*Tại biên xác minh ngày 08 tháng 01 năm 2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã L1N cung cấp:* Chị H và anh Đ đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H1H2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng chị H, anh Đ không hòa thuận hạnh phúc nên hai bên đã sống ly thân. Nhiều tháng vừa qua chị H cùng con trai Nguyễn Duy Q đã về cư trú tại xã L1N. Cháu Q hiện đang theo học tại trường mầm non xã L1N;

*Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 12 năm 2020, ông Phạm Minh T1- Trưởng thôn AB cung cấp:* Chị H, anh Đ đều có hộ khẩu thường trú tại thôn AB, xã H1H2, thị xã KM. Nhiều tháng vừa qua vợ chồng chị H anh Đ sống không hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm và chăm lo gì cho nhau;

*Tại biên bản ghi lời khai, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967, trú tại AB - H1H2 - KM - Hải Dương (Là bố đẻ của anh Đ) xác thực nội dung:* Thực tế nhiều tháng nay vợ chồng anh Đ, chị H sống không hạnh phúc, khi chung sống cùng nhau thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H và con trai đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại xã L1N ở từ nhiều tháng nay. Anh Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Đ bận đi làm ăn nên không có đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H được, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật;

*Tại bản tự khai của ông Phạm Văn X1, sinh năm 1963, trú tại LX - L1N - KM - Hải Dương (Là bố đẻ của chị H), trình bày:* Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Nhiều tháng vừa qua do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn căng thẳng nên chị H cùng với con là Nguyễn Duy Q về ở cùng với gia đình ông tại thôn LX - L1N. Trong trường hợp vợ chồng chị H ly hôn, vợ chồng ông cam kết sẽ hỗ trợ cho mẹ con chị H có chỗ ở ổn định và phụ giúp chị H trong việc chăm nuôi chăm nuôi cháu Q.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM phát biểu ý kiến:*** Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Q, sinh ngày 29/10/2018 cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, riêng, công nợ: Không yêu

cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHÂN DÂN TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay chị H có đơn đề nghị vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chị H và anh Đ được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1H2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 10 tháng 4 năm 2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ đang cư trú tại xã H1H2, thị xã KM nên Tòa án nhân dân thị xã KM thụ lý đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân;* Căn cứ đơn và yêu cầu của chị H xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đương sự tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị H, anh Đ nhiều tháng vừa qua không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên nhiều tháng nay vợ chồng đã sống ly thân về tình cảm, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh Đ đã nhận được thông báo phiên hòa giải, nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh Đ cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh Đ đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 29/10/2018. Qua lời trình bày của chị H, ông X1, ông T2 cùng các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định thực tế nhiều tháng vừa qua cháu Q đang ở cùng chị H, được chị H chăm lo nuôi dưỡng phát triển bình

thường như các bạn cùng tuổi. Cháu Q đang học tập ổn định tại trường mầm non xã LIN. Hiện cháu Q còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ theo quy định của pháp luật. Chị H hiện có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chị H có công việc làm thu nhập ổn định hàng tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cho hai mẹ con chị H sau khi ly hôn. Do vậy, cần xử cho chị H được quyền nuôi cháu Q và chấp nhận việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

*4]Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng):* Hiện chị H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn anh Đ không có mặt tại Tòa, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án. Sau này các đ-ơng sự có tranh chấp sẽ đ-ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

*[5]Về án phí :* Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

*2. Về con chung:* Giao cho chị Phạm Thị Thu H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 29/10/2018. Thời gian nuôi dưỡng con chung từ tháng 3/2021 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chấp nhận việc chị Phạm Thị Thu H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ- ợc cản trở;

3. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng):* Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này các đ- ơng sự có tranh chấp sẽ đ- ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Thu H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004117 ngày 09/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã KM, tỉnh Hải D- ơng. Chị H đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. □n xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho cho chị H, anh Đ biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ **ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

Nơi nhận:

- VKSND thị xã KM;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds tx KM;
- UBND xã H1H2
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết